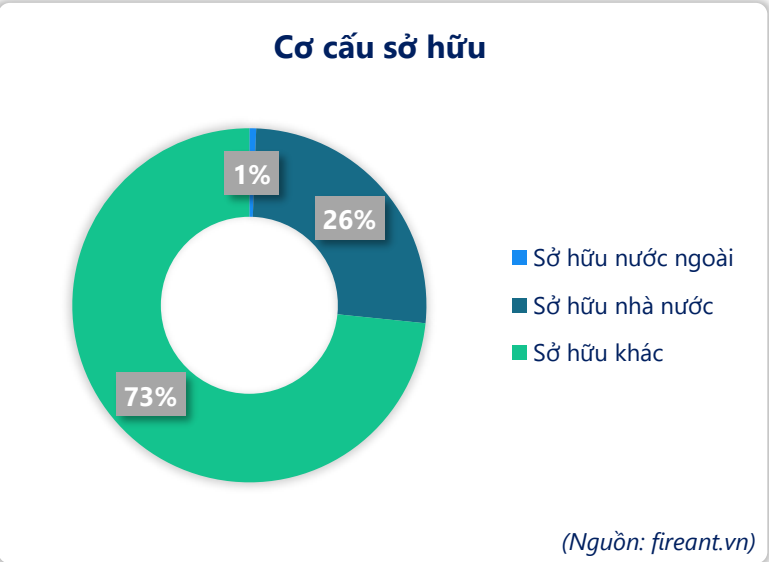
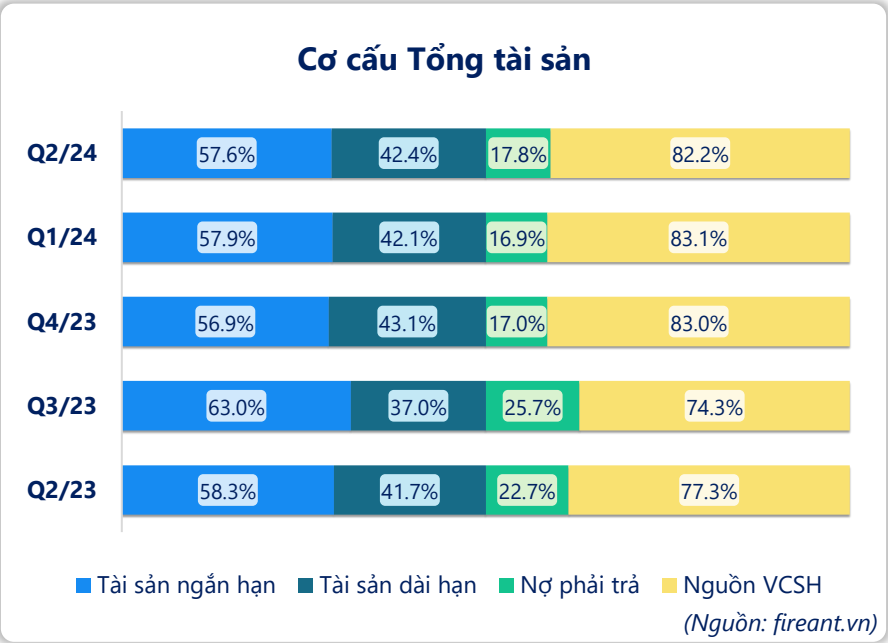
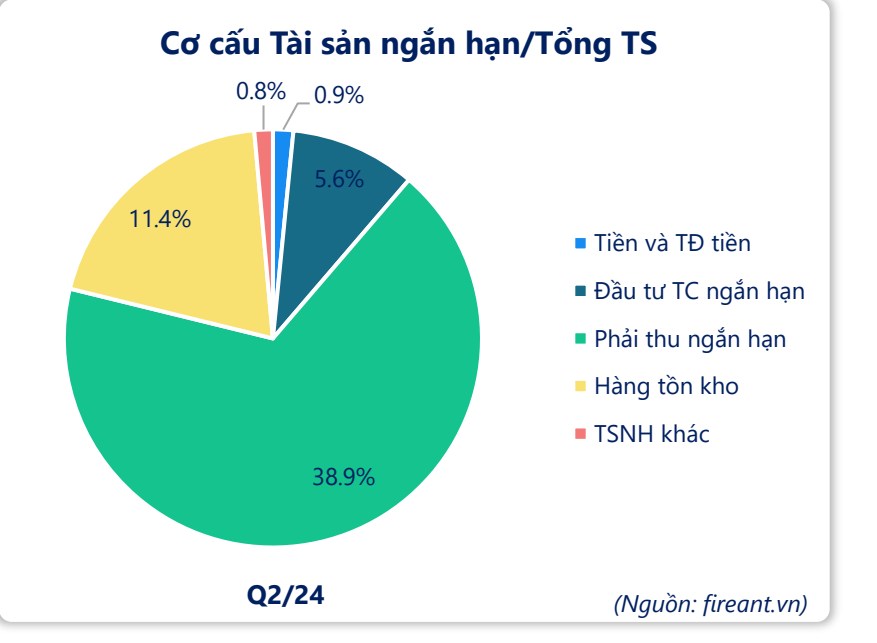
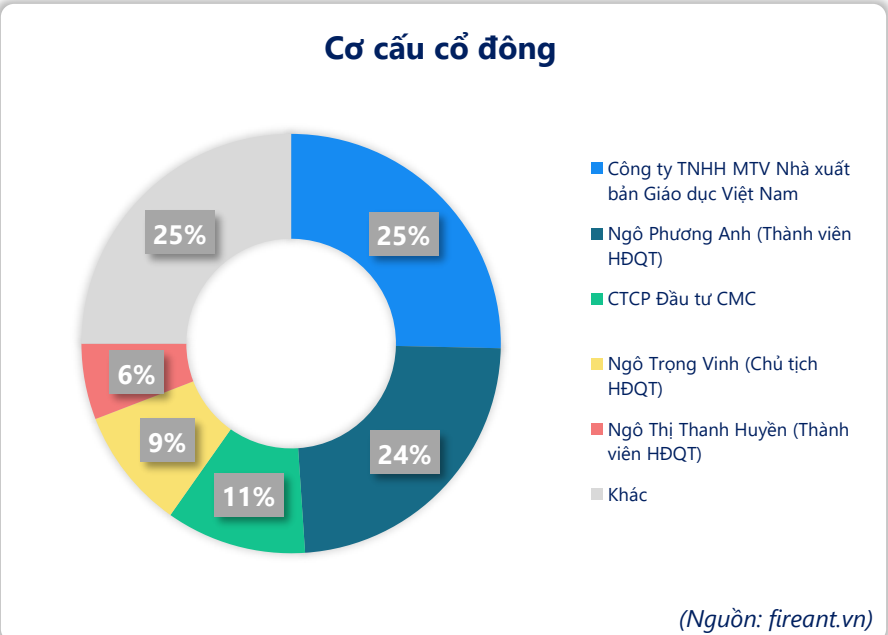
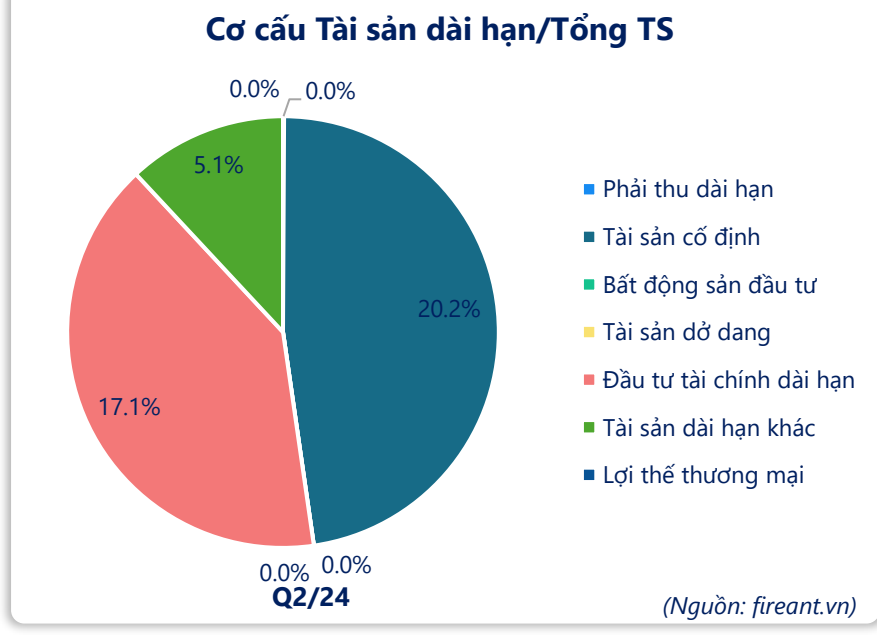
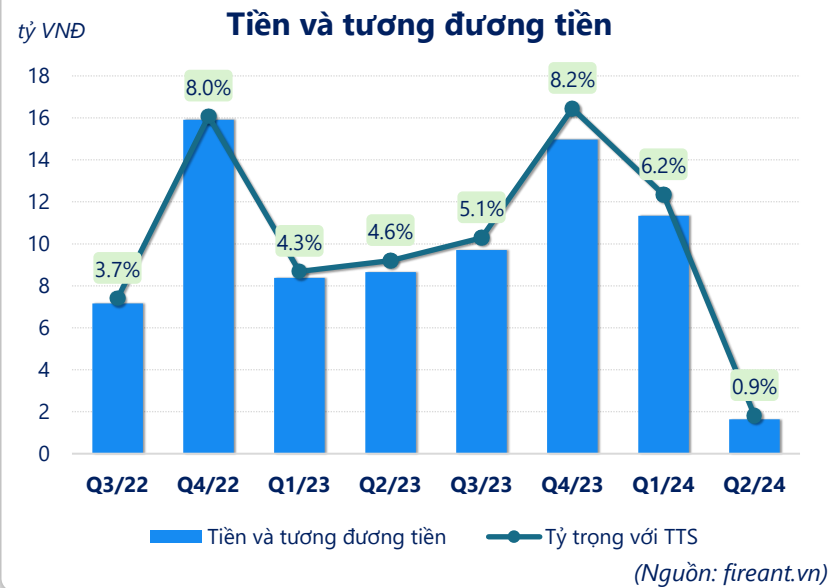
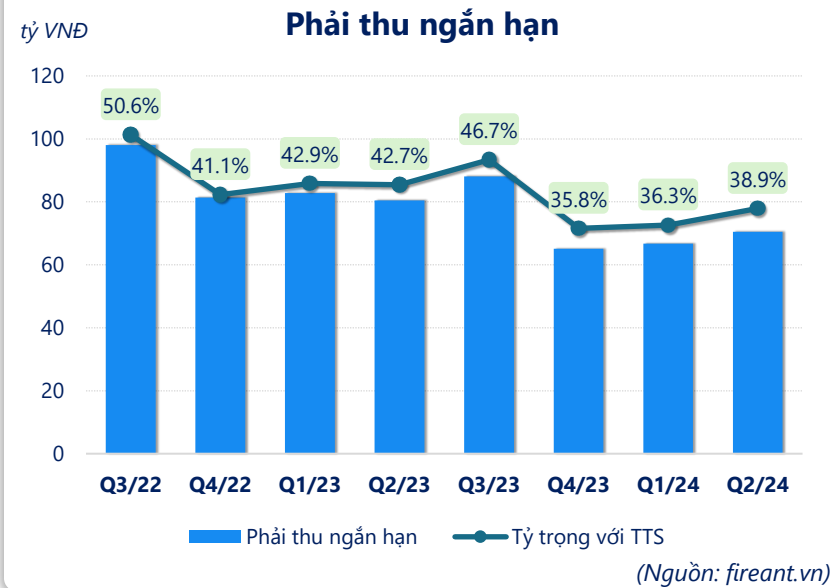
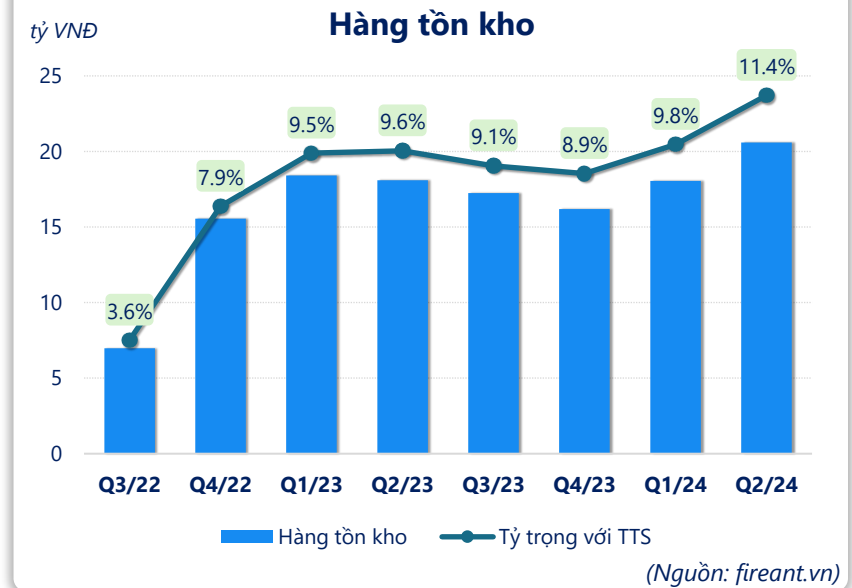
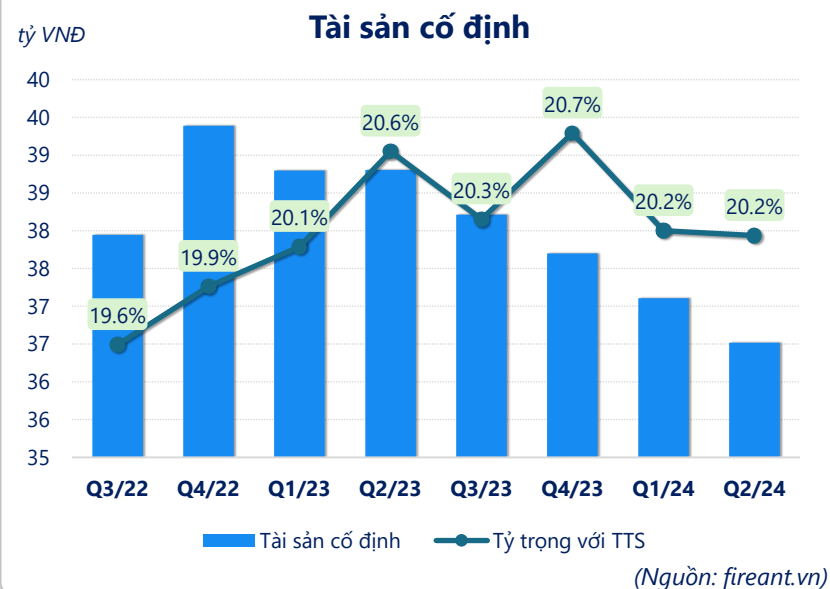
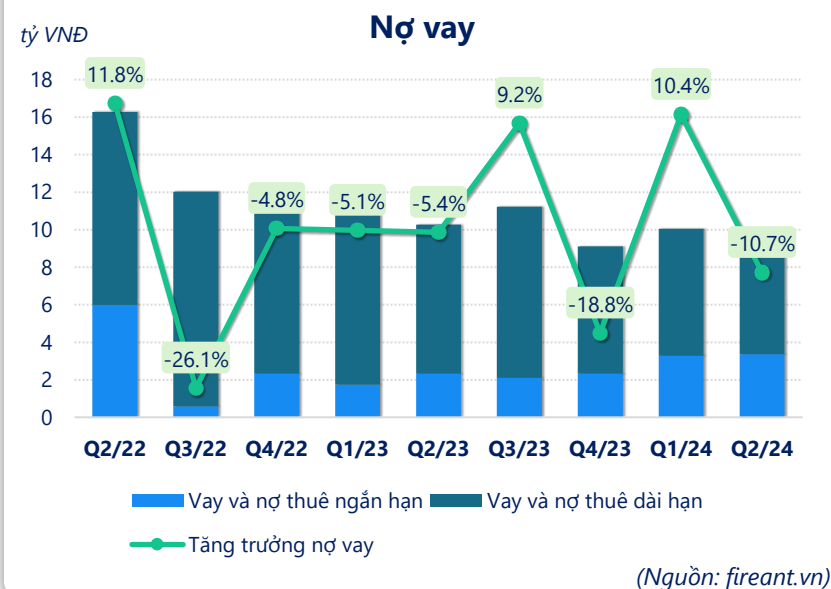
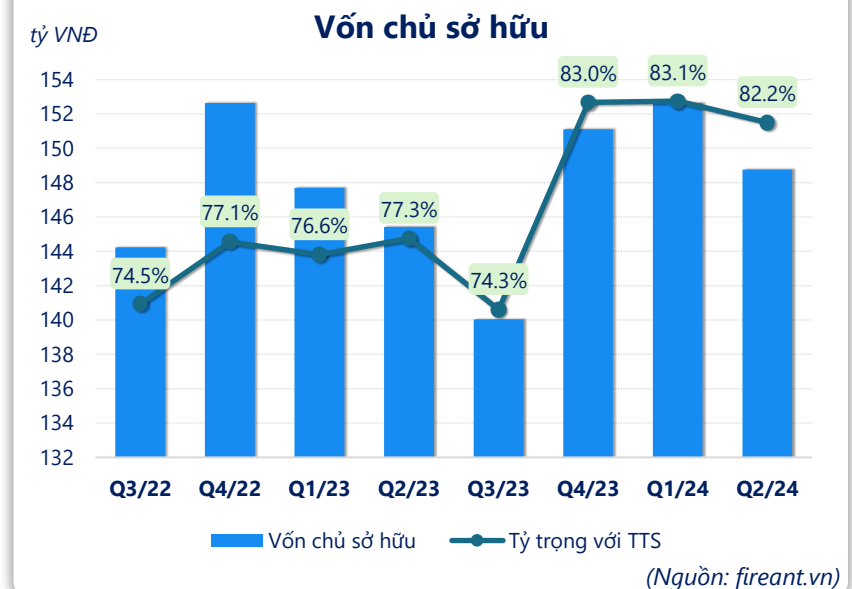
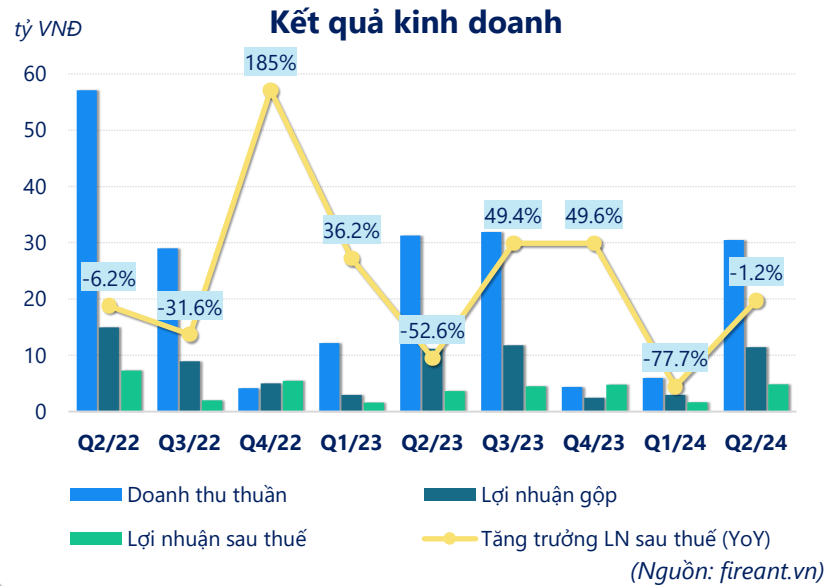
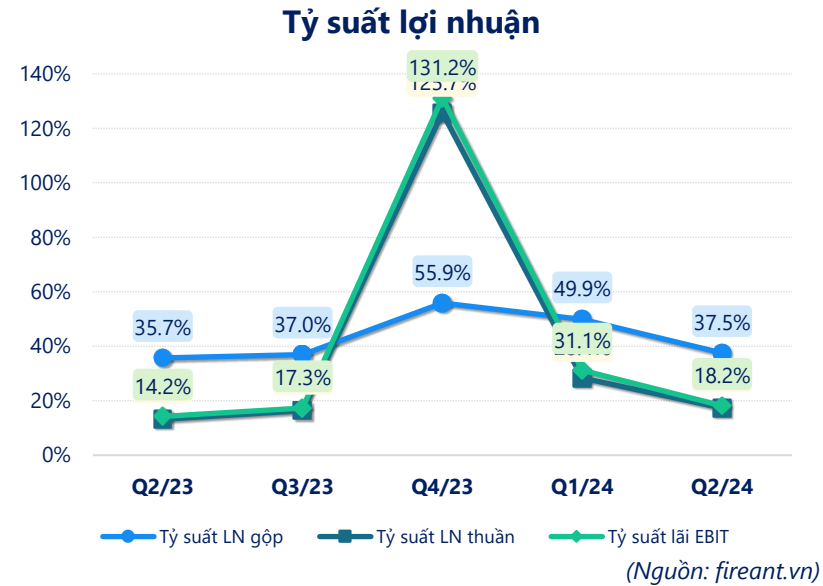
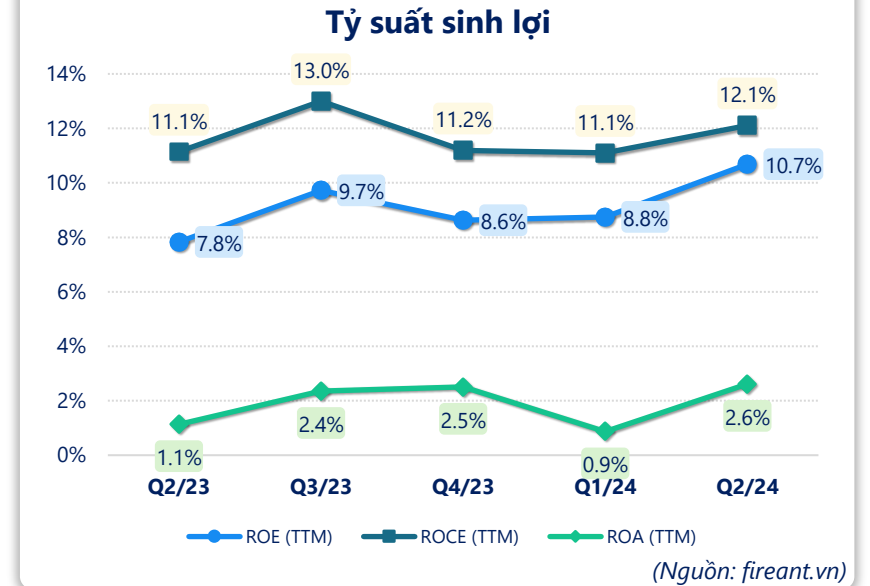
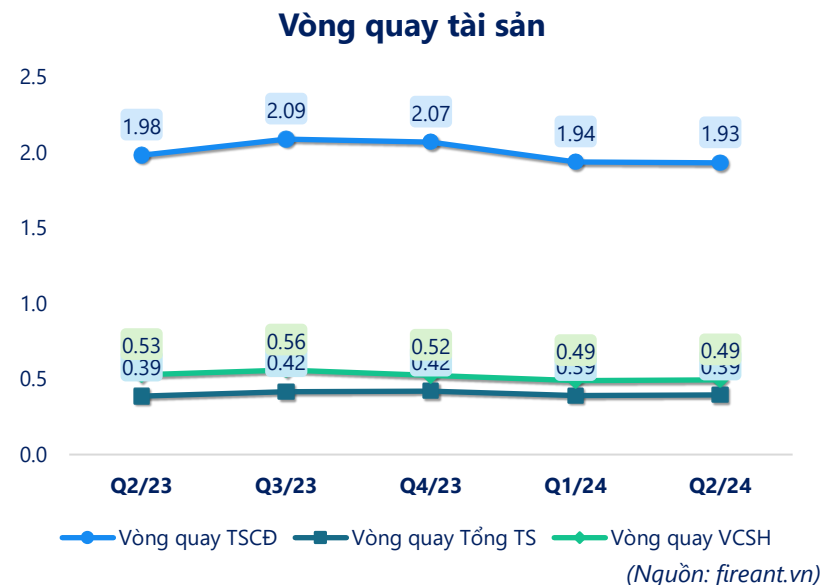
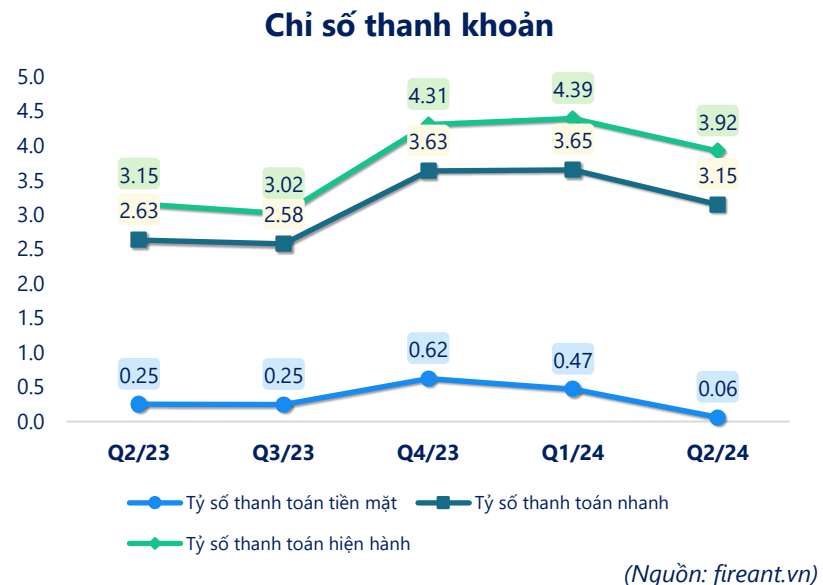
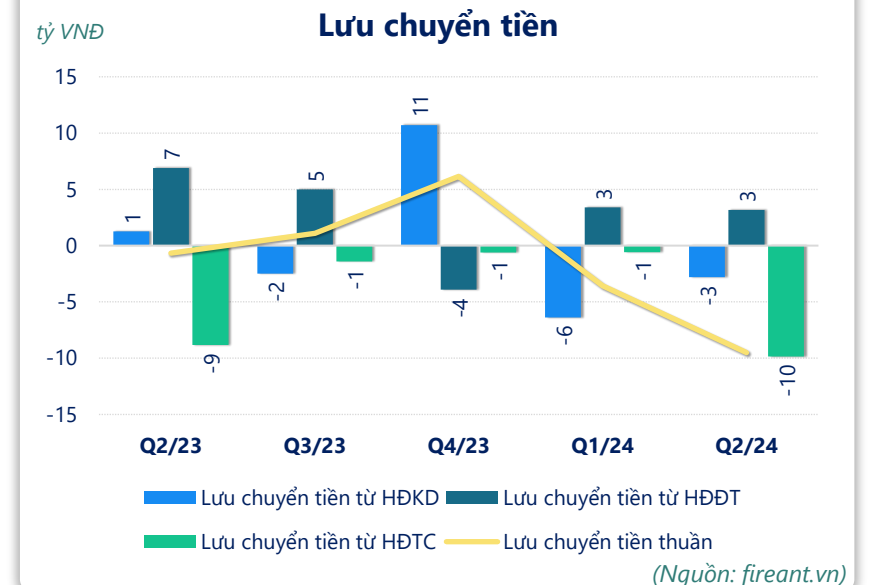


Thông tin giao dịch		28/06/2024
Giá hiện tại (VNĐ)		11,200
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		14,300
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		9,256
SL cổ phiếu LH		9,965,584
KLGD BQ 20 phiên (CP)		5,650
% sở hữu nước ngoài		0.6%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		112
P/E		7.1
EPS		1,577

	YTD	1T	3T	6T
EBS	-1.8%	-0.9%	0.9%	4.2%
VNINDEX	10.0%	-2.7%	-3.0%	11.4%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	181	182	-0.5%
Tài sản ngắn hạn	104	104	0.8%
Tiền và tương đương tiền	1.64	15.0	-89.0%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	10.1	5.34	89.8%
Phải thu ngắn hạn	70.5	65.1	8.2%
Hàng tồn kho	20.6	16.2	27.2%
Tài sản ngắn hạn khác	1.49	1.90	-21.6%
Tài sản dài hạn	76.7	78.4	-2.2%
Phải thu dài hạn	0.06	0.06	0.0%
Tài sản cố định	36.5	37.7	-3.1%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	30.9	30.5	1.4%
Tài sản dài hạn khác	9.15	10.1	-9.5%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	32.3	30.9	4.5%
Nợ ngắn hạn	26.6	24.0	10.6%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	3.36	2.33	44.3%
Phải trả người bán ngắn hạn	6.82	8.59	-20.6%
Nợ dài hạn	5.67	6.83	-17.0%
Vay và nợ thuê dài hạn	5.62	6.78	-17.2%
Nguồn vốn chủ sở hữu	149	151	-1.5%
Vốn chủ sở hữu	149	151	-1.5%
Vốn điều lệ	102	102	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24
Doanh thu thuần	31.3	31.9	4.37	5.96	30.5
Giá vốn hàng bán	20.1	20.1	1.93	2.98	19.1
Lợi nhuận gộp	11.2	11.8	2.44	2.97	11.4
Doanh thu HĐTC	1.64	1.36	5.31	1.51	1.19
Chi phí TC	0.12	0.38	0.34	0.21	0.47
Chi phí lãi vay	0.32	0.29	0.26	0.16	0.25
LN trong công ty LKLD	-0.06	0	0	0	0.43
Chi phí bán hàng	5.77	4.16	2.35	1.83	5.05
Chi phí QLDN	2.74	3.39	-0.43	0.75	2.24
LN thuần từ HĐKD	4.13	5.22	5.50	1.69	5.29
Lợi nhuận khác	0.00	0	-0.01	0.00	0.00
LN trước thuế	4.13	5.22	5.48	1.69	5.29
Lợi nhuận sau thuế	3.66	4.49	4.76	1.64	4.83
LNST của CĐ cty mẹ	2.25	4.49	4.76	1.64	4.83

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	1.27	-2.49	10.7	-6.39	-2.81
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	6.90	4.98	-3.92	3.40	3.16
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-8.83	-1.41	-0.62	-0.58	-9.86
Tiền đầu kỳ	9.40	8.74	9.83	15.0	11.4
Lưu chuyển tiền thuần	-0.67	1.08	6.15	-3.58	-9.50
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	8.74	9.83	15.0	11.4	1.88

(Nguồn: fireant.vn)